

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Giới thiệu về chương trình

Tên ngành (tiếng Việt và tiếng Anh): Giáo dục Mầm non (Preschool Education)

Mã số ngành đào tạo: 7140201

Tên chương trình đào tạo: Giáo dục Mầm non

Trình độ đào tạo: Đại học Hệ đào tạo: Chính quy tập trung

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân giáo dục mầm non có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non, trung tâm giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt; giảng dạy tại các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non; làm tư vấn viên, chuyên viên giáo dục mầm non tại cơ quan quản lý giáo dục và viện nghiên cứu; tự học, tham gia học tập ở các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức:

M1: Vận dụng được hệ thống tri thức nền tảng của khoa học Mác-Lênin; tư tưởng, đạo đức và giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; kiến thức giáo dục quốc phòng và pháp luật Việt Nam trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

M2: Vận dụng được kiến thức cơ bản, toàn diện, chuyên sâu về tâm lý học mầm non, giáo dục học mầm non, lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục trẻ vào lập kế hoạch, tổ chức, giám sát các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục phát triển toàn diện trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non, trung tâm giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt.

Kỹ năng:

M3: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ, năng lực quản lý nhóm lớp; năng lực tư vấn, tham vấn giáo dục mầm non; năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển chương trình giáo dục mầm non.

M4: Có năng lực tự học, trải nghiệm và thích ứng nghề nghiệp; năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi; giám sát và hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

M7: Có năng lực giao tiếp, xây dựng các mối quan hệ hợp tác với đồng nghiệp, cấp trên, cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ và cộng đồng để nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và bảo vệ quyền trẻ em.

Thái độ:

M8: Thực hiện đúng các quy định của ngành và nhà trường về đạo đức nhà giáo trong mối quan hệ với trẻ, đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và các lực lượng xã hội; Tác phong làm việc chuẩn mực, chuyên nghiệp.

M9: Thực hiện đúng quyền dân chủ của bản thân theo quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường; Thực hiện đầy đủ các quy định đảm bảo quyền dân chủ của đồng nghiệp, cha/mẹ hoặc người giám hộ trẻ theo quy định.

Trình độ ngoại ngữ, tin học:

M5: Đạt trình độ tin học IC³, ICDL, MOS hoặc tương đương; có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

M6: Đạt chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; sử dụng được ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường.

3. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)

3.1. Kiến thức

** Kiến thức chung*

C1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; pháp luật Việt Nam, quốc phòng - an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

** Kiến thức chuyên môn*

C2: Hiểu và phân tích được kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về sinh lý học trẻ em; dinh dưỡng, vệ sinh và phòng bệnh; tâm lý học mầm non, giáo dục học và quản lý giáo dục mầm non; tư vấn và tham vấn giáo dục mầm non; văn học trẻ em và hình thành biểu tượng toán; mỹ thuật và âm nhạc cho trẻ mầm non.

C3: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về tâm lý học mầm non, giáo dục học mầm non, lý luận và phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non vào lập kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục phát triển toàn diện nhân cách trẻ theo chương trình giáo dục mầm non.

C4: Hiểu được nhiệm vụ, quyền của hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên và trẻ theo Điều lệ trường mầm non.

3.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung*

C5: Giao tiếp có hiệu quả với trẻ em, đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và các bên liên quan khác.

C6: Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

C7: Đạt trình độ tin học IC3, ICDL, MOS hoặc tương đương và ứng dụng được trong hoạt động chuyên môn, giáo dục trẻ mầm non.

C8: Thực hiện được các hoạt động tự trải nghiệm nghề nghiệp để tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp và dẫn dắt người khác tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp.

** Kỹ năng chuyên môn*

C9: Phối hợp với đồng nghiệp và các lực lượng liên quan lập được kế hoạch, tổ chức hiệu quả hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em ở phạm vi nhóm/lớp theo chương trình giáo dục mầm non.

C10: Thực hiện được hoạt động tư vấn, hỗ trợ trẻ em, hỗ trợ đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và các tổ chức xã hội trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

C11: Lập kế hoạch, xây dựng các công cụ, thu thập và phân tích được dữ liệu đánh giá sự phát triển của trẻ để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ; đánh giá kết quả lao động sự phạm của bản thân và đồng nghiệp.

C12: Tổ chức được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ; phát hiện và kịp thời thực hiện các biện pháp ngăn ngừa nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ.

C13: Thực hiện được nghiên cứu về khoa học giáo dục, nghiên cứu sự phạm ứng dụng trong giáo dục mầm non.

C14: Thực hiện đúng yêu cầu về quản lý nhóm lớp theo quy định; xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống sự phạm.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C15: Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường mầm non.

C16: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.

C17: Nhận thức được nhu cầu học tập của bản thân và có năng lực lập kế hoạch, thực hiện học tập suốt đời.

4. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kì dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM			
1. Kiến thức giáo dục chung			25								
Các học phần bắt buộc			23								
1	SPH131M	Triết học Mác - Lênin	3	25	10	10	20			1	
2	SPE121M	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	15	10	10	10			2	
3	SSO121M	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	15	10	10	10			3	
4	HCM121M	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	10	10	10			4	
5	HPV121M	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	15	10	10	10			5	
6	EDL121M	Pháp luật đại cương	2	15	10	10	10			4	
7	ENG131N	Tiếng Anh 1	3	15	15	30	15			1	
8	ENG132N	Tiếng Anh 2	3	15	15	30	15		ENG131N	2	
9	ENG143N	Tiếng Anh 3	4	20	20	40	20		ENG132N	3	
10	PHE111M	Giáo dục thể chất 1								1	
11	PHE112M	Giáo dục thể chất 2							PHE111M	2	
12	PHE113M	Giáo dục thể chất 3							PHE112M	3	
13	MIE131M	Giáo dục quốc phòng		5 tuần tập trung							3
Các học phần tự chọn			2								
14	GME121M	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	2	15	10	12	8		INP331M	7	
15	GIF121N	Tin học đại cương	2	20		20				1	
16	EDE121N	Môi trường và phát triển	2	24			12			1	
17	VIU121N	Tiếng Việt thực hành	2	15	10	10	10			1	
18	VCF121N	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	21	4	6	8			1	
19	CDE121N	Văn hóa và phát triển	2	21			18			1	

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			53								
2.1. Kiến thức cơ sở			26								
Các học phần bắt buộc			24								
20	GEL221N	Lô gíc đại cương	2	15	30						1
21	BAM221N	Toán cơ sở	2	15	30						3
22	BAV221N	Tiếng Việt cơ sở	2	15	30						3
23	CHP231N	Sinh lý học trẻ em tuổi mầm non	3	30		20	10				1
24	CHP251N	Tâm lý học mầm non	5	40	20	20	15	15		CHP231N	2
25	MUS221N	Âm nhạc cơ bản	2	10		40					1
26	FIA221N	Mỹ thuật cơ bản	2	15		30					2
27	NAS231N	Tự nhiên - Xã hội	3	30	10		20				2
28	TLC331N	Văn học trẻ em tuổi mầm non	3	24	15	18		9			4
Các học phần tự chọn			2								
29	EBP221M	Đàn phím điện tử	2	5		50				MUS221N	2
30	FOL221N	Văn học dân gian	2	15	10	10	10				2
2.2. Kiến thức ngành			27								
Các học phần bắt buộc			25								
31	CHN331N	Dinh dưỡng trẻ em	3	24	9	15	9	9		CHP231N	3
32	DSC331M	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	3	24	9	18	6	9		CHP231N	5
33	INP331M	Giáo dục học mầm non 1	3	24	9	18	6	9			3
34	INP332M	Giáo dục học mầm non 2	3	24	9	18	6	9		INP331M	4
35	CDP331M	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	3	24	9	15	9	9		INP331M	5
36	PPC321N	Giao tiếp sư phạm mầm non	2	15	9	15	6			CHP251N	4
37	SRM331N	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	2	15	15	15				INP331M	4
38	EPE331M	Đánh giá trong giáo dục mầm non	3	24	6	21	6	9		INP332M	7
39	PIB231N	Đồ chơi	3	12		57		9		FIA221N	4
Các học phần tự chọn			2								

40	FAD321N	Giáo dục học gia đình	2	15	9	15	6				4
41	IOP321N	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non	2	12	15	15		6		INP332M	3
42	PCP321N	Tâm bệnh học lứa tuổi mầm non	2	15	15	9		6		CHP251N	3
3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			47								
Các học phần bắt buộc			45								
43	CHM431N	Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non	3	24	9	24		9		CHP231N	7
44	PEM431N	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	24	9	24		9		CHP231N INP332M	5
45	MEM431N	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	24	9	24		9		MUS221N INP332M	6
46	MOP431N	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	24	9	24		9		FIA221N INP332M	6
47	DAM431N	Dạy múa cho trẻ mầm non	3			81		9		MUS221N INP332M	6
48	OAP431M	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	3	24	6	21	6	9		INP332M	6
49	CIC321M	Tham vấn trong giáo dục mầm non	2	15	15	15				CHP251N INP331M	5
50	MCA431N	Tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh	3	24		24	9	9		INP332M	5
51	MDL431N	Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	24	6	18	9	9		BAV221N INP332M	6
52	MCL431N	Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	3	24	9	24		9		TLC331N INP332M	5
53	MMC441M	Hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	4	30	12	36		12		BAM221N INP332M	6
54	MAP421N	Tổ chức ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non	2	15	3	15	6	6		INP332M	7
55	AIS421N	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	3	15		60				INP332M	4

56	GSR421N	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2			30					INP332M MEM431N MOP431N MCA431N PEM431N MDL431N MCL431N MMC441N OAP431M	7
57	TRA421M	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở trường mầm non								5
58	TRA432M	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở trường mầm non				GSR421N		TRA421M		8
Các học phần tự chọn			2									
59	EGP421N	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	2	15	3	15	6	6			CHP251N INP332M	7
60	EAH421N	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	15		18	6	6			INP332M	7
61	FPC421M	Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	2	10		34		6			MDL431N MCL431N	7
62	PIB421M	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	2	15	3	15	6	6			INP332M	7
63	ESP421N	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2	15	3	21		6			INP332M	7
4. Khoá luận tốt nghiệp, Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			7									
Khoá luận tốt nghiệp			7									
64	TOG971N	Khoá luận tốt nghiệp	7									8
Các học phần thay thế khóa luận			7									
65	EWC921N	Tổ chức hoạt động khám phá, thử nghiệm cho trẻ mầm non	2	12		30		6			MCA431N INP332M	8
66	MEC921N	Phương pháp đọc, kể diễn cảm	2	15	9	15		6			MDL431N MCL431N	8
67	MOP931N	Quản lý giáo dục mầm non	3	24	9	15	9	9			INP332M	8
68	PES931M	Chuyên đề giáo dục mầm non	3	24	9	15	9	9			INP332M	8
69	CID921M	Can thiệp sớm trẻ khuyết	2	15	3	15	6	6			INP332M	8

		tật									
70	TMM921M	Dạy học toán cho trẻ theo tiếp cận hiện đại	2	15	3	15	6	6		MMC441M	8
71	MEM921M	Các phương pháp giáo dục hiện đại	2	15	3	15	6	6		INP332M CDP331M	8
Tổng cộng			132								

5. Đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT

5.2. Quy trình đào tạo: Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành.

5.3. Điều kiện tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 130 tín chỉ;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ;
- Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.

6. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

- Giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non, các trung tâm giáo dục mầm non;
- Chuyên viên về giáo dục mầm non tại các cơ quan quản lý giáo dục;
- Chuyên gia tư vấn, tham vấn về giáo dục mầm non;
- Nghiên cứu viên về giáo dục mầm non tại các cơ quan nghiên cứu giáo dục;
- Giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo giáo viên mầm non.